

Số: /QĐ-UBND

Vân Canh, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung
xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 16/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 08/03/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất huyện Vân Canh thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 2043/SXD-QHKT của Sở Xây dựng ngày 01/8/2022 về việc hướng dẫn Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 và thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 38/HD-SXD ngày 12/9/2019 của Sở Xây dựng Bình Định về việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3365/SXD-QHKT ngày 02/10/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Định về việc tham gia ý kiến Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 1651/UBND-KTHT ngày 24/10/2022 của UBND huyện về việc lập Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Vân Canh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí Quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035;

Căn cứ biên bản lấy ý kiến cộng đồng dân cư Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035 ngày 09/5/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã Canh Hiệp về việc thông qua Đồ án Quy hoạch Chung xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã Canh Hiệp và theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 403/TTr-KTHT ngày 15/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035 với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch trên toàn bộ ranh giới hành chính xã Canh Hiệp; có giới cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp xã Canh Vinh, xã Canh Hiến và tỉnh Phú Yên.
- + Phía Tây giáp xã Canh Liên và xã Canh Thuận.
- + Phía Nam giáp thị trấn Vân Canh, xã Canh Thuận và tỉnh Phú Yên.
- + Phía Bắc giáp thị xã An Nhơn.

2.2. Quy mô lập quy hoạch: Lập quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiệp đến năm 2035 trong phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã với diện tích 12.750,91ha.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

- Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiệp nhằm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cụ thể hóa đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho phù hợp với các dự án của cấp trên, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Xác lập các quỹ đất để quản lý, sử dụng và khai thác có hiệu quả nhằm tạo nguồn tài chính để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng. Đồng thời làm cơ sở để định hướng sử dụng quỹ đất một cách hợp lý.

- Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

4.1. Dự báo phát triển dân số và cơ cấu lao động

a. Dự báo phát triển dân số:

- Dân số trên địa bàn xã đến năm 2025 khoảng 2.913 người.
- Dân số trên địa bàn xã đến năm 2035 khoảng 3.851 người.

b. Dự báo cơ cấu lao động:

- Lao động trên địa bàn xã đến năm 2025 khoảng 2.330 người.
- Lao động trên địa bàn xã đến năm 2035 khoảng 3.081 người.

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

a. Chỉ tiêu một số công trình hạ tầng xã hội

TT	Công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất
I	Cấp xã	
1	Trụ sở UBND xã	$\geq 1.000m^2$
2	Nhà văn hóa xã	$\geq 1.000m^2$
3	Khu thể thao xã	$\geq 2.000m^2$ (chưa tính sân vận động)
4	Trạm y tế	$\geq 1.000m^2$ (có vườn thuốc)
5	Bưu điện văn hóa xã	$\geq 150m^2$
6	Chợ xã	$\geq 1.500m^2$
7	Trụ sở công an xã	$1.000m^2 - 2.000m^2$
8	Trường học	
-	Trường mầm non	$\geq 12m^2$ /học sinh
-	Trường tiểu học	$\geq 10m^2$ /học sinh
-	Trường Trung học cơ sở	$\geq 10m^2$ /học sinh
II	Cấp thôn	
1	Nhà văn hóa thôn	Diện tích đất $\geq 300m^2$
2	Khu thể thao thôn	Diện tích đất $\geq 500m^2$

b. Các chỉ tiêu chính về hạ tầng kỹ thuật

TT	Công trình	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông	
-	Đường sắt	Theo quy hoạch cấp trên
-	Quốc lộ	Theo quy hoạch cấp trên
-	Đường huyện	Theo quy hoạch cấp trên
-	Đường trục xã, liên xã	Cấp A, B
-	Đường trục xóm, thôn	Cấp B, C
-	Đường trục chính nội đồng	Cấp B, C, D
2	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150W/người
3	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60l/người/ngày đêm

Các chỉ tiêu khác tuân thủ theo Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng và các văn bản khác có liên quan.

5. Phân khu chức năng

- Khu trung tâm xã: Đề tương xứng với tiềm năng, động lực phát triển của xã trong giai đoạn tiếp theo, đồng thời đảm bảo tính kết nối liên hoàn, định hướng quy hoạch mới khu trung tâm xã, diện tích khoảng 25ha, thuộc thôn 4. Khu trung tâm xã sẽ bao gồm hệ thống các công trình trụ sở làm việc, khu thể thao xã, khu công viên cây xanh, trường học, y tế, an ninh, quốc phòng, khu dân cư tập trung...

- Các khu dân cư tập trung: Ngoài các khu dân cư hiện hữu, tổ chức quy hoạch mới các khu dân cư tập trung, các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẹt với các khu cũ nhằm đáp ứng nhu cầu chỉnh trang trong tương lai...

- Các khu sản xuất, thương mại, dịch vụ: Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp,...); công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, phát triển thương mại dịch vụ.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng (ha)	Quy hoạch đến năm 2035 (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng/giảm (ha)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	12.261,92	11.957,02	93,77	-304,90
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	567,18	385,71	3,02	-181,47
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	325,93	187,74		-138,19
-	Đất trồng lúa	30,95	22,30		-8,65
-	Đất trồng cây hàng năm khác	294,98	165,44		-129,54
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	241,25	197,97		-43,28
1.2	Đất lâm nghiệp	11.686,23	11.562,79	90,68	-123,43
-	Đất rừng sản xuất	4.188,03	4.064,59		-123,43
-	Đất rừng phòng hộ	7.498,20	7.498,20		0,00
1.3	Đất nông nghiệp khác	8,52	8,52	0,07	0,00
2	ĐẤT XÂY DỰNG	135,93	442,91	3,47	306,98
2.1	Đất ở	22,94	57,22	0,45	34,28
2.1.1	Đất ở hiện trạng chính trang	22,94	24,27		1,33
2.1.2	Đất ở quy hoạch mới		32,95		32,95
2.2	Đất công cộng	3,29	5,41	0,04	2,12
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,30	0,82		0,52
2.2.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,15	0,27		0,12
2.2.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (cấp xã)	1,40	2,92		1,52
2.2.4	Đất chợ	1,38	1,30		-0,07
2.2.5	Đất bưu điện xã	0,06	0,10		0,04
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	-	1,73	0,01	1,73
2.3.1	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (cấp xã)		0,66		0,66
2.3.2	Đất vui chơi, giải trí công cộng		1,08		1,08
2.4	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề		152,00	1,19	152,00
2.5	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	30,50	55,85	0,44	25,35
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	10,29	15,00	0,12	4,71
2.6.1	Đất xây dựng nhà văn hóa kết hợp khu thể thao thôn		1,60		1,60
2.6.2	Đất thương mại dịch vụ		3,01		3,01
2.6.3	Đất khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		0,26		0,26

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng (ha)	Quy hoạch đến năm 2035 (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng/giảm (ha)
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	61,69	112,96	0,89	51,27
2.7.1	Đất giao thông	52,70	82,91		30,21
2.7.2	Đất xử lý chất thải rắn	3,25	3,55		0,30
2.7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,98	24,38		20,41
2.7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	1,77	2,13		0,36
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	7,23	42,74		35,51
2.8.1	Đất Quốc phòng	7,23	42,45		35,22
2.8.2	Đất An ninh		0,29		0,29
3	ĐẤT KHÁC	353,06	350,98	2,75	-2,07
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	350,98	350,98		0,00
3.2	Đất chưa sử dụng	2,08	-		-2,08
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT		12.750,91	12.750,91	100	0,00

7. Định hướng tổ chức không gian xã

7.1. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hóa - thể thao

a. Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, chỉnh trang do mở rộng lộ giới đường, diện tích giảm từ 0,3ha xuống còn 0,27ha.

Quy hoạch mới quỹ đất dự trữ phát triển trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã tại thôn 4, phía Tây Bắc trung tâm xã hiện hữu với diện tích 0,82ha. Sau khi đầu tư xây dựng trụ sở tại vị trí mới, quy hoạch quỹ đất tại vị trí cũ thành đất xây dựng chức năng khác hoặc đất ở tùy vào tình hình phát triển của địa phương.

b. Trụ sở Công an xã: Quy hoạch mới nhà làm việc công an xã tại thôn 4 với diện tích 0,29ha.

c. Bưu điện: Giữ nguyên vị trí hiện trạng thuộc, chỉnh trang do mở rộng lộ giới đường, diện tích giảm từ 0,06ha xuống còn 0,03ha.

Quy hoạch mới quỹ đất dự trữ phát triển Bưu điện với diện tích 0,1ha. Sau khi đầu tư xây dựng Bưu điện xã tại vị trí mới, quy hoạch quỹ đất tại vị trí cũ thành đất xây dựng chức năng khác hoặc đất ở tùy vào tình hình phát triển của địa phương.

d. Trạm y tế: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, chỉnh trang do mở rộng lộ giới đường, diện tích giảm từ 0,15ha xuống còn 0,11ha.

Quy hoạch mới quỹ đất dự trữ phát triển Trạm y tế với diện tích 0,27ha. Sau khi đầu tư xây dựng Trạm y tế xã tại vị trí mới, quy hoạch quỹ đất tại vị trí cũ thành đất xây dựng chức năng khác hoặc đất ở tùy vào tình hình phát triển của địa phương.

e. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Quy hoạch mới tại làng Hiệp Hưng với diện tích 0,26ha.

f. Nhà văn hóa

- Nhà văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng thuộc khuôn viên UBND xã.

Quy hoạch xây dựng mới nhà văn hóa xã theo định hướng phát triển UBND xã hoặc trung tâm văn hóa thể thao tại khu thể thao xã tùy vào tình hình phát triển của địa phương.

- Nhà văn hóa thôn, làng:

+ Thôn 4: Quy hoạch mới nhà văn hóa kết hợp khu thể thao thôn với tổng diện tích 0,51ha.

+ Làng Suối Đá: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, chỉnh trang do mở rộng lộ giới đường, diện tích 0,09ha.

+ Làng Hiệp Tiến: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, quy hoạch mở rộng nhà văn hóa kết hợp khu thể thao với tổng diện tích 0,31ha.

+ Làng Hiệp Hưng: Quy hoạch mới nhà văn hóa kết hợp khu thể thao với tổng diện tích 0,25ha.

+ Làng Canh Giao: Quy hoạch mới nhà văn hóa kết hợp khu thể thao với tổng diện tích 0,45ha.

g. Cây xanh - khu thể thao:

- Khu thể thao xã: Quy hoạch mới tại khu trung tâm xã với diện tích 0,66ha.

- Khu thể thao làng Suối đá: Sử dụng khu thể thao trung tâm xã.

- Khu thể thao các thôn, làng còn lại: Bố trí kết hợp nhà văn hóa các thôn, làng.

h. Công trình giáo dục

- Trường mầm non:

+ Trường chính: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, quy hoạch mở rộng với diện tích tăng từ 0,49ha lên 0,69ha.

+ Điểm trường Mầm non Canh Giao: Giữ nguyên vị trí hiện trạng với diện tích 0,1ha.

- Trường Tiểu học:

+ Trường chính: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, quy hoạch mở rộng với diện tích tăng từ 0,57ha lên 0,99ha.

+ Điểm trường Canh Giao: Giữ nguyên hiện trạng với diện tích 0,24ha.

- Trường THCS Canh Hiệp: Định hướng quy hoạch mới tại khu trung tâm xã với diện tích khoảng 0,9ha.

i. Chợ xã Canh Hiệp: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, chỉnh trang do mở rộng lộ giới đường, diện tích giảm từ 1,38ha xuống 1,3ha.

k. Thương mại dịch vụ:

- Quy hoạch mới quỹ đất thương mại dịch vụ tại thôn 4 với tổng diện tích khoảng 1,45ha (02 vị trí).

- Quy hoạch mới quỹ đất thương mại dịch vụ tại làng Hiệp Hưng với diện tích khoảng 1,56ha.

1. Định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng:

- Đối với khu trung tâm hành chính, công trình công cộng xã: Định hướng đầu tư xây dựng, phát triển tạo tính kết nối liên hoàn, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ và đặc trưng riêng. Thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với những công trình đã xuống cấp hoặc chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng.

- Đối với các công trình dịch vụ thương mại: Hình thức kiến trúc phải đảm bảo tính hiện đại, thẩm mỹ và phù hợp công năng sử dụng.

7.2. Định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn:

- Quy hoạch các khu dân cư tập trung với tổng diện tích 32,95ha, cụ thể:

+ Khu dân cư thôn 4, tổng diện tích 17,1ha (03 vị trí).

+ Khu dân cư làng Suối Đá, diện tích 3,8ha.

+ Khu dân cư làng Hiệp Hưng, tổng diện tích 6,15ha (03 vị trí).

+ Khu dân cư làng Canh Giao, diện tích 5,9ha.

- Quy hoạch các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẹt với các khu dân cư cũ, nhằm khép kín và chỉnh trang các điểm dân cư.

- Định hướng kiến trúc các khu dân cư:

+ Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới tại khu trung tâm xã và dọc các trục đường chính: Định hướng xây dựng nhà ở theo dạng nhà lô phố hoặc nhà vườn, mang tính thẩm mỹ, với kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với các giá trị không gian truyền thống.

+ Đối với các khu vực thôn xóm hiện hữu và các khu ở mới xen kẹt: Khuyến khích đầu tư xây dựng nhà ở gắn kết với không gian truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn, đảm bảo hài hòa trong tổng thể phát triển chung của xã. Tiến hành chỉnh trang, xây dựng tường rào, cổng ngõ; xây dựng các tuyến đường ngõ xóm xanh, sạch, đẹp.

7.3. Định hướng quy hoạch khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Tiếp tục ổn định và phát triển sản xuất tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hiện nay trên địa bàn xã.

- Quy hoạch mới 02 cụm công nghiệp với tổng diện tích 150ha.

- Quy hoạch quỹ đất phát triển cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với diện tích 2,0ha.

7.4. Định hướng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp:

- Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại phía Đông Nam sông Hà Thanh, phát triển kết hợp với xã Canh Hiền theo định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Vùng trang trại chăn nuôi, diện tích 8,52ha.
- Vùng trồng cây ăn quả, rau màu theo hiện trạng còn lại.
- Vùng trồng cây lâu năm theo hiện trạng còn lại.
- Vùng trồng rừng sản xuất theo hiện trạng còn lại.

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

8.1. Quy hoạch san nền

- Cao độ xây dựng được xác định trên cơ sở tuân thủ theo quy chuẩn hiện hành. Cao độ của từng khu vực sẽ khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện địa hình, thủy văn.

- Độ dốc nền thiết kế phải đảm bảo thoát nước tự chảy, tránh lồi lõm cục bộ.

- Tại khu vực trung tâm xã, bám sát trục đường giao thông, cao độ xây dựng không chế được lấy theo cao độ của trục đường này.

- Khu vực dân cư, các công trình công cộng, trụ sở hiện trạng giữ nguyên cốt hiện trạng, các khu vực bị ngập úng tôn nền vượt lũ cao nhất đã xảy ra tại khu vực đó. Những khu xây dựng, phát triển mới cần cao hơn cốt ngập lụt HLũ max +(0,3÷0,5)m.

8.2. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua xã, theo quy hoạch ngành đường sắt.

- Mở rộng hiện trạng tuyến đường Quốc lộ 19C qua địa bàn xã với chiều dài khoảng 2,2km theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 45m.

- Quy hoạch mới tuyến đường Tây huyện (ven chân núi) qua địa bàn xã với chiều dài khoảng 5,3km theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 45m.

- Mở rộng hiện trạng tuyến đường Tây huyện hiện hữu với chiều dài khoảng 2,7km theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 32m.

- Quy hoạch mới tuyến đường Hữu ngạn sông Hà Thanh qua địa bàn xã với chiều dài khoảng 2,4km theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 32m.

- Quy hoạch mới tuyến đường trục Đông Tây 03, kết nối đường Hữu ngạn sông Hà Thanh đi đường Tây huyện (ven chân núi) với chiều dài khoảng 2,6km theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 32m.

- Quy hoạch mới tuyến đường trục Đông Tây số 04, kết nối đường Hữu nghị sông Hà Thanh đi đường Tây huyện (ven chân núi) với chiều dài qua địa bàn xã khoảng 0,4km theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 32m.

- Quy hoạch mới tuyến đường từ Tây huyện hiện hữu đi Canh Tiến với chiều dài khoảng 9,9km. Theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 19m.

- Quy hoạch định hướng tuyến đường từ xã Canh Hiền đi làng Canh Giao. Theo quy hoạch vùng huyện Vân Canh, định hướng lộ giới 19m.

- Quy hoạch mở rộng tuyến đường từ Phú Yên đi làng Canh Giao với chiều dài khoảng 2,7km, định hướng lộ giới từ 9m ÷ 12m.

b. Giao thông đối nội

- Mở rộng hiện trạng tuyến đường từ Quốc lộ 19C qua khu Sở Quảng Du với chiều dài khoảng 0,6km, định hướng lộ giới từ 12m ÷ 24m.

- Các tuyến đường khu dân cư quy hoạch mới, đường khu trung tâm xã, quy hoạch với lộ giới từ 12m ÷ 24m.

- Các tuyến đường hiện trạng nội bộ làng, quy hoạch mở rộng với lộ giới từ 9m ÷ 12m.

- Các tuyến đường phục vụ sản xuất hiện trạng, quy hoạch mới, quy hoạch với lộ giới từ 6m ÷ 9m.

8.3. Định hướng cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước sinh hoạt đến năm 2025 là 251,93m³/ngày đêm và đến năm 2035 là 444,08m³/ngày đêm.

- Nhu cầu cấp nước cụm công nghiệp: 1.800m³/ngày đêm.

- Hiện tại, dân cư trên địa bàn xã sử dụng nước sinh hoạt từ các hệ thống nước tự chảy nhỏ lẻ và sử dụng giếng khoan, giếng đào. Trong thời gian tới cần có kế hoạch ngưng toàn bộ việc khai thác nước ngầm trong dân cư theo định hướng chung của quốc gia nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước ngầm và giảm ảnh hưởng do việc khai thác nước ngầm gây ra.

- Định hướng giai đoạn ngắn hạn, sử dụng nguồn nước từ các hệ thống cấp nước hiện trạng:

+ Nguồn từ Suối Khúc cấp nước các làng Hiệp Hưng, Hiệp Tiến, Suối Đá.

+ Nguồn từ Suối Phươn cấp nước cho thôn 4.

+ Nguồn từ Suối Đá Lọt cấp nước cho làng Canh Giao.

- Định hướng quy hoạch nguồn cấp nước:

+ Dự kiến đầu nối đường ống cấp nước từ xã Canh Hiền để cấp nước cho xã Canh Hiệp.

- Mạng lưới đường ống dẫn và phân phối nước sử dụng ống HDPE và được tổ chức theo hệ thống mạng vòng kết hợp nhánh và phân bố đến toàn bộ khu dân cư và vùng dự kiến phát triển.

8.4. Định hướng cấp điện

- Nguồn điện cấp cho xã Canh Hiệp được đấu nối với tuyến 22kV hiện trạng.

+ Nguồn từ TBA 110kV Long Mỹ.

+ Nguồn từ mạch vòng kết nối với Phú Yên.

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn xã và hệ thống các trạm biến áp hiện hữu để cấp điện cho các khu vực hiện trạng.

- Đối với khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, khu dân cư quy hoạch mới,... sẽ căn cứ vào quy mô hoạt động để tính toán công suất trạm biến áp phục vụ cho phù hợp.

8.5. Hệ thống thoát nước

- Thoát nước mưa: Hướng thoát nước chủ yếu theo địa hình tự nhiên thông qua hệ thống cống rãnh gắn với xây dựng đường giao thông, sau đó thoát ra sông, suối.

- Thoát nước thải:

+ Đối với khu vực dân cư hiện hữu: Vận động nhân dân xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng các bể tự hoại. Nước thải chăn nuôi, vận động nhân dân xử lý theo công nghệ Biogas.

+ Đối với các khu vực quy hoạch mới và khu trung tâm xã: Xây dựng hệ thống cống thoát nước dọc các tuyến đường rồi dẫn về khu xử lý. Quy hoạch 01 khu đất xử lý nước thải sinh hoạt với diện tích 0,36ha tại khu vực Công Bi Năm.

+ Đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải cục bộ trong từng nhà máy, cơ sở...

8.6. Vệ sinh môi trường

a. Xử lý chất thải rắn

- Rác thải sinh hoạt tại các thôn, làng được tập kết tại các thùng rác công cộng rồi vận về bãi xử lý rác của huyện trên địa bàn xã. Riêng đối với làng Canh Giao bố trí bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 0,3ha.

- Đến năm 2030: Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã (trừ làng Canh Giao) được thu gom và xử lý tại bãi rác tập trung của huyện thuộc địa bàn xã.

- Sau năm 2030: Khi Bãi xử lý rác của huyện lấp đầy, toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt của xã (trừ làng Canh Giao) sẽ được thu gom và đưa về Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ theo đúng Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

- Chất thải rắn công nghiệp cần phân loại ngay tại nguồn. Chất thải rắn không nguy hại phải được thu gom và xử lý tại bãi rác tập trung của huyện. Chất thải rắn nguy hại phải được các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Hình thức thu gom: Tổ chức thu gom bằng xe đẩy tay, xe cơ giới, xe chuyên dùng. Lượng chất thải rắn phát sinh được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định.

b. Nghĩa trang nhân dân

- Nghĩa trang nhân dân các làng mai táng theo phong tục tập quán địa phương, không thực hiện mở rộng các nghĩa trang nhỏ lẻ, tiến tới đóng cửa trồng cây xanh, từng bước di dời, thực hiện chủ trương mai táng tập trung và khuyến khích hỏa táng.

- Giai đoạn ngắn hạn:

+ Mai táng tại nghĩa trang nhân dân tập trung xã với diện tích 1,48ha.

+ Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân làng Canh Giao với tổng diện tích sau mở rộng khoảng 0,93ha.

- Định hướng quy hoạch nghĩa trang nhân dân huyện tại địa bàn xã với diện tích khoảng 20ha.

9. Các danh mục ưu tiên đầu tư và nguồn vốn: Chi tiết kèm theo hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã: Chi tiết kèm theo hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.

11. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã:

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời tất cả các quy hoạch theo quy định, trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên cổng thông tin điện tử,... nhằm đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất, khu thương mại dịch vụ,... để làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau khi quy hoạch xây dựng được phê duyệt nhằm đảm bảo đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn xã hội hóa,... để đầu tư xây dựng hạ tầng theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế,...

- Phối hợp và tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kêu gọi thu hút đầu tư các công trình thương mại, dịch vụ; nông nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại; du lịch,... trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất...

12. Danh mục hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt

TT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh quy hoạch
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch
3	QH01 - Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng
4	QH02 - Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng
5	QH03 - Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã
6	QH04 - Bản đồ quy hoạch sử dụng đất
7	QH05 - Bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông
8	QH06 - Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện
9	QH07 - Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước
10	QH08 - Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa
11	QH09 - Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải
12	QH10 - Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất
13	QH11 - Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống hạ tầng kỹ thuật

(Chi tiết hồ sơ theo đồ án quy hoạch được duyệt).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND xã Canh Hiệp chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch được phê duyệt, gửi hồ sơ quy hoạch được duyệt cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, lập các đồ án quy hoạch chi tiết và thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên. Định kỳ tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển của địa phương; mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung quy hoạch đã được phê duyệt phải thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, tổng hợp, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

- Giao các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát khi thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các vấn đề liên quan khác theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa và Thông tin, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Canh Hiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lương Đình Tiên